SỞ Y TẾ THANH HOÁ
TTYT THIỆU HOÁ

Số: 25 /QĐ-TTYT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thiệu Hóa, ngày 29 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
về việc giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2019

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ THIỆU HOÁ

Căn cứ quyết định số: 3766/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh hoá về việc qui định "Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức về chuyên môn y tế thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện".

Căn cứ Quyết định số: 1100/2017/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Ban hành qui định phân công, phân cấp quản lý, tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ công chức; viên chức thuộc tỉnh Thanh hóa quản lý.

Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch được giao năm 2019 và chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị.

Xét đề nghị của trưởng phòng Hành chính tổng hợp và các khoa, phòng chuyên môn.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Giao chỉ tiêu kế hoạch chuyên môn năm 2019 cho các Trạm y tế xã, thị trấn (*Có phụ lục kèm theo*).

Điều 2: Các ông, bà trưởng khoa, phòng, trưởng trạm y tế tổ chức thực hiện các chỉ tiêu chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn qui định. Đồng thời gắn các chỉ tiêu thực hiện với công tác thi đua khen thưởng năm 2019.

Điều 3: Các khoa, phòng chức năng của Trung tâm Y tế chỉ đạo, giám sát, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch theo chế độ hiện hành.

Nơi nhận:
- Như điều 1
- Phòng Y tế
- Lưu HCTH

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN THIỆU HÓA

Lê Lương Khang

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 25 /QĐ-TTYT, ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Giám đốc TTYT

SỞ Y TẾ TỈNH THANH HÓA
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN THIỆU HÓA

TT	Tên xã	Dân số	Số thôn	Chỉ tiêu về bán thuốc (đồng/tháng)	Chỉ tiêu về bán thuốc (đồng/năm)	Chỉ tiêu vắc xin dịch vụ (Liều/tháng)	Chỉ tiêu vắc xin dịch vụ (Liều/năm)	Chỉ tiêu bệnh nhân lao mới	Chỉ tiêu bệnh nhân điều trị methadone	Chỉ tiêu KCB BHYT (bệnh nhân/tháng)	Chỉ tiêu KCB BHYT (bệnh nhân/năm)	Lập hồ sơ sức khỏe người dân	Chỉ tiêu về xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh
1	Thiệu Toán	5213	5	4,000,000	48,000,000	35	420	2	1	65	780	25%	10
2	Thiệu Chính	4719	6	3,000,000	36,000,000	30	360	2	1	60	720	25%	5
3	Thiệu Minh	3099	4	3,000,000	36,000,000	30	360	1	1	60	720	25%	5
4	Thiệu Hòa	4978	6	3,000,000	36,000,000	30	360	2	1	60	720	25%	5
5	Thiệu Tâm	6949	7	4,000,000	48,000,000	35	420	3	2	65	780	25%	15
6	Thiệu Viên	5174	7	4,000,000	48,000,000	35	420	2	1	65	780	25%	10
7	Thiệu Lý	4733	7	3,000,000	36,000,000	30	360	1	1	60	720	25%	5
8	Thiệu Vận	4229	6	3,000,000	36,000,000	30	360	1	1	60	720	25%	5
9	Thiệu Trung	5882	6	4,000,000	48,000,000	35	420	2	1	65	780	25%	10
10	Thiệu Đô	8019	8	4,500,000	54,000,000	45	540	3	2	0	0	25%	20
11	Thiệu Châu	3696	6	3,000,000	36,000,000	30	360	1	1	60	720	25%	5
12	Thiệu Giao	3138	8	3,000,000	36,000,000	30	360	1	1	60	720	25%	5
13	Thiệu Tân	2660	3	3,000,000	36,000,000	30	360	1	1	60	720	25%	5
14	Thiệu Ngọc	5020	6	4,000,000	48,000,000	35	420	2	1	65	780	25%	10
15	Thiệu Vũ	5852	5	4,000,000	48,000,000	35	420	2	1	65	780	25%	10
16	Thiệu Tiến	5733	5	4,000,000	48,000,000	35	420	2	1	65	780	25%	10
17	Thiệu Thành	5360	8	4,000,000	48,000,000	35	420	2	1	65	780	25%	10
18	Thiệu Công	7057	5	4,500,000	54,000,000	45	540	3	2	70	840	25%	15
19	Thiệu Phúc	4787	5	3,000,000	36,000,000	30	360	2	1	60	720	25%	5
20	Thiệu Phú	8187	6	4,500,000	54,000,000	45	540	3	2	70	840	25%	20
21	Thiệu Long	6400	6	4,000,000	48,000,000	35	420	3	1	65	780	25%	15

22	TT Vạn Hà	8464	6	4,500,000	54,000,000	50	600	3	2	70	840	25%	20
23	Thiệu Nguyên	8364	9	4,500,000	54,000,000	50	600	3	2	70	840	25%	20
24	Thiệu Duy	7941	7	4,500,000	54,000,000	45	540	3	2	70	840	25%	15
25	Thiệu Giang	6006	7	4,000,000	48,000,000	35	420	3	1	65	780	25%	15
26	Thiệu Hợp	6323	6	4,000,000	48,000,000	35	420	3	1	65	780	25%	15
27	Thiệu Thịnh	3529	3	3,000,000	36,000,000	30	360	1	1	60	720	25%	5
28	Thiệu Quang	5237	6	4,000,000	48,000,000	35	420	2	1	65	780	25%	10
29	TTYT						1000						
	Tổng	**156,749**	**169**	**105,000,000**	**1,260,000,000**	**1,000**	**13,000**	**59**	**35**	**1730**	**20760**		**300**